

Lời tòa soạn: Đảm bảo đủ nguồn cung lương thực trong mọi tình huống; nâng cao chất lượng bữa ăn; sự tiếp cận của người nghèo và đảm bảo cho nông dân sản xuất lúa có lãi bình quân trên 30% so với giá thành sản xuất - Đó là 4 vấn đề cốt lõi trong Nghị quyết số 63/NQ-CP của Chính phủ về “Đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Tròn 10 năm thực hiện Nghị quyết với những thành công, trở ngại và giải pháp trong xây dựng Nông thôn mới và dịch Covid -19 có những biến động khó lường...

Để làm rõ các nội dung trên, từ số Kỳ 1 đến số Kỳ 3 tháng 5 năm 2020, Tạp chí Nông thôn Mới sẽ đăng tải Chuyên đề “An ninh lương thực trong xây dựng nông thôn mới”. Trân trọng giới thiệu tới bạn đọc.

Bài 1

# Nỗ lực đảm bảo nguồn cung

**I HOÀNG TRỌNG THỦY |**

## Đảm bảo đủ nguồn cung lương thực

Để đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia, Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 20/12/2009 của Chính phủ, đã đặt mục tiêu cụ thể là “Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh sản xuất lúa, nhất là ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, tạo nguồn cung vững chắc, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài. Đến năm 2020, bảo vệ quỹ đất lúa là 3,8 triệu hecta để có sản lượng là 41-43 triệu tấn lúa, đáp ứng tổng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn gạo/năm; tăng diện tích trồng ngô lên đến 1,3 triệu hecta, sản lượng 7,5 triệu tấn; diện tích trồng cây ăn quả là 1,2 triệu hecta, sản lượng 12 triệu tấn; rau các loại là 1,2 triệu hecta, sản lượng 20 triệu tấn; sản lượng các loại cây màu tăng trên 30%; chăn nuôi đạt sản lượng thịt hơi các loại là 8 triệu tấn, sữa tươi 1 triệu tấn, trứng gia cầm là 14 tỷ quả; sản lượng khai thác thủy sản là 2,4 triệu tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 4 triệu tấn”.

Để ổn định nguồn cung lương thực, các tỉnh Tiền Giang, An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp... và các tỉnh khác ở Đồng bằng Sông Cửu Long đã xây dựng hệ thống kho lưu trữ lương thực, các kho dự trữ này chịu trách nhiệm trong việc thu mua lương thực của nông dân trong trường hợp sản lượng lúa gạo tăng làm

**Bảng 1: Sản lượng một số loại lương thực, thực phẩm bình quân đầu người giai đoạn 2008 – 2018**

	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2013	Năm 2018
<b>Số lượng lương thực có hạt</b>	Kg/người/năm	508,7	548,5	516,4
<b>Thóc gạo</b>	Kg/người/năm	455,0	490,6	464,6
<b>Ngô</b>	Kg/người/năm	53,7	57,8	51,8
<b>Khoai</b>	Kg/người/năm	15,6	15,1	14,5
<b>Trái cây</b>	Kg/người/năm	73,5	81,5	85,5
<b>Rau các loại</b>	Kg/người/năm	135,3	163,0	180,6
<b>Thịt</b>	Kg/người/năm	41,9	48,5	56,7
<b>Trứng</b>	Kg/người/năm	58,5	86,4	123,0
<b>Sữa</b>	Kg/người/năm	3,1	5,1	9,9

Nguồn: Bộ NN&PTNT 2019

giảm giá bán hoặc xả kho giúp ổn định nguồn cung, giảm cả khi tình trạng mất mùa xảy ra... Nhờ đó, Việt Nam không chỉ tự đảm bảo được an ninh lương thực mà còn góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho nhiều quốc gia khác thông qua xuất khẩu, mỗi năm Việt Nam xuất khẩu từ 5-7 triệu tấn gạo.

Phong trào “3 tăng 3 giảm” của nông dân tỉnh Đồng Tháp được mở rộng và có sức lan tỏa mạnh, phát triển thành “Cánh đồng mẫu lớn” trong toàn khu vực đồng bằng Nam Bộ. Cùng với việc đẩy mạnh ứng dụng giống lúa mới có chất lượng cao và cơ giới hóa khâu làm đất, vận chuyển, thu hoạch... năng suất lúa khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã trở dậy. Việt Nam đã vào nhóm 6 nước hàng đầu về chỉ số bình quân

lương thực trên đầu người/năm. Trong đó, sản lượng lúa gạo bình quân trên người năm 2018, đạt 464,6kg/người/năm, cao gấp 3,6 lần so với sản lượng lúa gạo bình quân đầu người của Ấn Độ (nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới) và gần bằng của Thái Lan (nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 thế giới). Sản lượng của các nhóm nông sản khác (trái cây, rau, thịt, trứng, sữa) bình quân đầu người có xu hướng tăng qua các năm. Không chỉ đảm bảo tính sẵn có cấp quốc gia, sản lượng lúa gạo sản xuất được của từng vùng cũng đã đủ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng gạo của người dân. So sánh lượng gạo sản xuất được của từng vùng với nhu cầu cho thấy, các vùng đã chủ động hơn về việc cung cấp lúa gạo nội vùng.



**Bảng 2: Cân đối nhu cầu tiêu dung gạo theo vùng kinh tế giai đoạn 2008 – 2018 (triệu tấn)**

	2008			2018		
	Sản lượng gạo sản xuất được	Lượng gạo để ăn	Chênh lệch	Sản lượng gạo sản xuất được	Lượng gạo để ăn	Chênh lệch
Cả nước	27,11	12,36	14,75	30,79	9,14	21,64
Đồng bằng sông Hồng	4,75	2,92	1,84	4,40	1,91	2,50
Trung du miền núi phía Bắc	2,03	1,89	0,14	2,37	1,42	0,95
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	4,28	2,84	1,44	4,94	2,05	2,89
Tây Nguyên	0,65	0,75	-0,10	0,96	0,64	0,32
Đông Nam bộ	0,92	1,46	-,54	1,00	1,25	-0,25
ĐBSCL	14,47	2,49	11,98	17,11	1,79	15,32

Nguồn: Bộ NN&PTNT 2019

Nhìn chung, so với mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 63/NQ-CP, 5 nhóm chỉ tiêu đạt và vượt, đó là: Diện tích đất lúa cả nước năm 2018 đạt 4.159,3 nghìn hecta, vượt mục tiêu đề ra là 359,3 nghìn hecta; Sản lượng lúa năm 2018 đạt 44 triệu tấn, vượt mục tiêu đề ra 1 triệu tấn; Xuất khẩu gạo năm 2018 đạt 6,052 triệu tấn, vượt mục tiêu đề ra 2 triệu tấn; Diện tích rau các loại năm 2018 đạt 961 nghìn hecta, sản lượng đạt 17,1 triệu tấn (dự kiến năm 2020 đạt mục tiêu đề ra với diện tích đạt 1,2 triệu hecta, sản lượng đạt 20 triệu tấn); Sản lượng sữa tươi năm 2018 đạt 936 nghìn tấn, dự kiến đến năm 2020 đạt 1,165 triệu tấn (vượt mục tiêu đề ra 165 nghìn tấn); Sản lượng thủy sản năm 2018 đạt 7,75 triệu tấn, trong đó khai thác 3,6 triệu tấn, nuôi trồng 4,15 triệu tấn (vượt mục tiêu đề ra 1,35 triệu tấn; Khai thác 1,2 triệu tấn, nuôi trồng 0,15 triệu tấn).

### **Đảm bảo nhu cầu về dinh dưỡng**

Nghị quyết số 63/NQ-CP định hướng đến năm 2020, cân đối dinh dưỡng và nâng cao mức tiêu thụ calo bình quân hàng ngày lên 2.600-2.700 Kcal/người và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 5%; Cải thiện cơ cấu và chất lượng tiêu dùng lương thực, đạt mức tiêu thụ bình quân/người vào năm 2020: gạo giảm xuống còn 100kg, thịt các loại 45kg, cá các loại 30kg, quả

các loại 50kg, rau các loại 120kg, tăng mức tiêu dùng trứng, sữa gấp 2 lần so với hiện nay; Toàn bộ nông sản, lương thực tiêu thụ trên thị trường đạt chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm.

Triển khai mục tiêu trên, các địa phương đã hình thành các vùng sản xuất tập trung, xác định lợi thế cây trồng, vật nuôi để đầu tư, cải tạo cơ cấu giống, từ đó nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng các sản phẩm cây trồng, vật nuôi góp phần đảm bảo an ninh và đa dạng lương thực thực phẩm. Theo kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2010, sự đa dạng trong chế độ ăn uống của người Việt Nam đã tăng lên đáng kể trong thập kỷ qua: Tỷ lệ tiêu thụ ngũ cốc (về số lượng) đã giảm, trong khi tỷ lệ thịt, cá, sữa và trứng đã tăng lên; tỷ lệ trái cây và rau quả không đổi. Mức tiêu thụ lương thực, thực phẩm cũng có sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị; đặc biệt ở nhóm gạo và nhóm thịt các loại. Qua các năm, khoảng cách chênh lệch mức tiêu thụ lương thực thực phẩm giữa các khu vực đã được rút ngắn hơn, nhất là nhóm thịt (năm 2010, lượng thịt tiêu dùng của người dân sống ở khu vực nông thôn bằng 80,95% khu vực thành thị, đến năm 2016 con số này đã tăng lên 95,45%). Số liệu khảo sát của Tổ chức Lương thực Thế giới cũng cho thấy, trong tổng số 96,2 triệu người dân Việt Nam giai đoạn 2008-2010, có khoảng 10,8% người dân ở trong tình trạng thiếu dinh dưỡng. Đây là một cải

**Tăng cường nhận thức đối với các tổ chức, quốc gia và khu vực đối với vấn đề an ninh lương thực kể cả ngắn và dài hạn luôn được ưu tiên hàng đầu trong các chương trình nghị sự.**

*Theo Báo cáo của Tổ chức Nông lương thế giới (FAO) tại Hội nghị 33 tại Rome Italy, tháng 4/2019.*

thiện đáng kể so với mức 18,2% trong giai đoạn 2004-2006.

### **Đảm bảo khả năng tiếp cận lương thực của người dân**

Nghị quyết số 63/NQ-CP đặt mục tiêu là chấm dứt tình trạng thiếu đói lương thực vào năm 2012, sau năm 2012 đảm bảo 100% người dân ở mọi nơi, mọi lúc có đủ lương thực, đảm bảo thu nhập cho người sản xuất lương thực đến năm 2020 cao hơn 2,5 lần.

Hướng tới mục tiêu trên, trong 10 năm qua, thu nhập bình quân đầu người/năm ở nông thôn đã tăng 3,87 lần; khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn thu hẹp từ 2,1 lần xuống còn 1,8 lần. Theo khảo sát từng vùng Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp nông thôn trong năm 2016, thu nhập bình quân đầu người cũng tăng mạnh, thu nhập năm 2016 của hầu hết các vùng gấp 3 lần so với năm 2008. Khoảng cách thu nhập giữa các vùng cũng có xu hướng thu hẹp từ 2,7 lần còn 2,3 lần giữa vùng có thu nhập cao nhất (Đông Nam Bộ) và vùng có thu nhập thấp nhất (Trung du và miền núi phía Bắc). Các chương trình giảm nghèo đã thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế và giảm nghèo. Thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam liên tục tăng đã giúp cải thiện khả năng tiếp cận lương thực, cụ thể thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng tăng từ 356.100 đồng năm 2002 lên 3,76 triệu đồng năm 2018, vượt chỉ tiêu do Nghị quyết Hội BCH Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đề ra. □